

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST.

Ngày: 17-6-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê An Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, đối với các bị cáo:

Lê Minh H (L), sinh ngày 01/01/2003 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp MAA, xã MTA, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L, sinh năm 1959 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963; Vợ, con: không có; Tiền án: không;

Tiền sự: + Ngày 10/7/2020, bị Công an xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 52/QĐ-XPHC);

+ Ngày 08/9/2020, bị Công an xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 12/QĐ-XPHC);

+ Ngày 11/11/2020, bị Công an xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính số tiền 375.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 25/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2020, đến ngày 30/3/2021 bị bắt theo quyết định truy nã và bị tạm giữ đến ngày 02/4/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

* *Đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Số ấp MAA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Minh Kh – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

Thái Văn L, sinh ngày 31/10/2002 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp 2B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thái Văn L (chết) và bà Trần Thị Th, sinh năm 1980; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/12/2020 cho đến nay. Có mặt.

** Đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp 2B, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Th - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. Có mặt.

Phạm Văn VL (Đ), sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp TĐ, xã SP, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị D, sinh năm 1959; Vợ, con: không có; Tiền án: không;

Tiền sự: Ngày 21/02/2020, bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.450.000 đồng về hành vi điều khiển xe mô tô không có gương chiếu hậu bên trái, không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự, không có giấy phép lái xe và không mang theo giấy đăng ký xe (Quyết định số 2100/QĐ-XPHC).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/3/2021 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

- Lê Thị Th, sinh năm 1983; Có mặt.

Nơi cư trú: ấp 4, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Nguyễn Thị Diễm Ph, sinh năm 1994; Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp 2, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bùi Trung Ngh, sinh năm 1983; Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Huỳnh Thị C, sinh năm 1963; Có mặt.

Nơi cư trú: ấp MAA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

- Châu Văn Đ, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp ATA, xã MTA, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Cao Văn T, sinh năm 2004; Vắng mặt.

Nơi cư trú: ấp NA, xã NT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp của Cao Văn T: Bà Nguyễn Thị Em B, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp NA, xã NT thành phố BÉT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 29/9/2020, khi đang nhậu tại nhà của Võ Cao T thì bị cáo L rủ bị cáo H đi trộm gà, H đồng ý. H điều khiển xe đạp chở L đến nhà của bà Lê Thị Th ở ấp 4, xã NT, thành phố BT, cả hai cùng đi ra phía sau nhà của bà Th, L dùng tay mở chốt gài cửa đột nhập vào bên trong. L phát hiện xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Dream màu nâu, biển kiểm soát 71B2-231.00 của bà Th đang dựng trong nhà nên chỉ cho H thấy và rủ H cùng lấy trộm, H đồng ý. L đi tìm chìa khóa xe nhưng không thấy nên lấy cây kéo đến để mở khóa xe. Sau khi mở được khóa, L mở cửa rào nhà bà T để H dẫn xe ra ngoài rồi cùng nhau tẩu thoát, xe vừa trộm được đem bán cho Bùi Trung Ngh với giá 1.000.000 đồng. Có được tiền H và L mua ma túy để cùng nhau sử dụng, số tiền còn lại chia mỗi bị cáo 100.000 đồng, cho người tên L 100.000 đồng. Riêng Ngh sau khi mua xe mô tô biển số 71B2-231.00 thì biết xe do H lấy trộm mà có nên giao nộp cho cơ quan Công an. Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream màu nâu, số khung 0808AY241952, số máy HA08E1541991, không có biển số;
- 01 xe đạp loại Martin;
- Tiền Việt Nam 39.000 đồng (Thu của L).

Theo Bảng kết luận định giá tài sản số 892/KL-HĐĐG ngày 14/10/2020 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, màu nâu, biển số 71B2-231.00, số khung 0808AY241952, số máy HA08E1541991, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản ngày 29/9/2020 là 10.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho bà Lê Thị Th xe mô tô biển kiểm soát 71B2-231.00, trả cho bà Huỳnh Thị C01 xe đạp loại Martin.

Bà Th yêu cầu H và L bồi thường số tiền 3.000.000 đồng do xe bị thay đổi kết cấu, H và L đồng ý mỗi người có trách nhiệm bồi thường cho bà Th 1.500.000 đồng. Bà Trần Thị T đã thay bị cáo L bồi thường cho bà Th 1.500.000 đồng, H chưa bồi thường.

Ông Bùi Trung Ngh yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng đã bỏ ra mua xe mô tô biển kiểm soát 71B2-231.00 sau đó bị thu hồi, H và L đồng ý mỗi người có trách nhiệm bồi thường cho ông Ngh 500.000 đồng nhưng chưa bồi thường.

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/02/2021, tại nhà Võ Cao T, bị cáo H gặp và rủ bị cáo VL đi tìm tài sản để trộm cắp, VL đồng ý. Hiếu mượn xe của Võ Cao T để chở Linh đi. Khi đi ngang nhà của chị Nguyễn Thị Diễm Ph ở ấp 2, xã PN, thành phố BT thì phát hiện trong sân nhà có để một cây mai vàng, cả hai dừng xe lại. Hiếu ở bên ngoài cảnh giới, VL leo rào đột nhập vào bên trong sân nhỏ lấy cây mai chuyên qua hàng rào cho H. Cả hai mang cây mai vàng vừa trộm được đến bán cho Châu Văn Đ với giá 300.000 đồng, lấy tiền mua ma túy cùng nhau sử dụng hết. Hiện tài sản không thu hồi được.

Theo Bảng kết luận định giá tài sản số 139/KL-HĐĐG ngày 25/02/2021 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 cây mai cao 1,6 mét, hoành gốc 50cm, tán rộng nhất 01 mét. Trị giá tài sản ngày 15/02/2021 là 4.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Diễm Ph yêu cầu H và VL bồi thường giá trị cây mai vàng bị chiếm đoạt không thu hồi được theo định giá là 4.000.000 đồng. Hai bị cáo đồng ý mỗi người có trách nhiệm bồi thường cho chị Ph số tiền 2.000.000 đồng. Bà Huỳnh Thị C đã thay bị cáo H bồi thường cho chị Ph số tiền 1.000.000 đồng, VL chưa bồi thường.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 130/C09B ngày 11/01/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Qua quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 12 năm 2020) Lê Minh H có độ tuổi từ 17 năm 06 tháng đến 18 năm.

Tại cáo trạng số 40/CT-VKSTPBT ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Minh H, Thái Văn L và Phạm Văn VL về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Minh H từ 09 tháng đến 01 năm tù tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Thái Văn L từ 04 tháng đến 06 tháng tù tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn VL từ 06 tháng đến 09 tháng tù tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Điều 56 Bộ Luật hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án số 14/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho bà Lê Thị Th xe mô tô biển số 71B2-231.00, trả cho bà Huỳnh Thị Cẩm 01 xe đạp loại Martin.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 39.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bà Trần Thị Th không yêu cầu bị cáo Thái Văn L bồi hoàn lại số tiền 1.500.000 đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị Th.

- Ghi nhận bà Huỳnh Thị C không yêu cầu bị cáo Lê Minh H bồi hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph.

- Ghi nhận bà Huỳnh Thị C tự nguyện thay bị cáo Lê Minh H bồi thường cho: bà Lê Thị Th số tiền 1.500.000 đồng, ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 1.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Thái Văn L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn VL phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 2.000.000 đồng.

Bị hại bà Lê Thị Th trình bày: các bị cáo L và H đã có hành vi lấy trộm của bà một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Dream màu nâu, biển số 71B2-231.00, chiếc xe này bà dùng làm phương tiện đi chợ mua hàng để mua bán nhỏ kiếm sống mỗi ngày. Sau khi được nhận lại tài sản thì bà phát hiện xe đã bị thay đổi kết cấu về máy móc cũng như bộ áo bên ngoài nên bà yêu cầu hai bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bà số tiền 3.000.000 đồng. Trong thời gian chờ Tòa án xét xử vụ án thì bà Trần Thị T có thay bị cáo Thái Văn L bồi thường cho bà số tiền 1.500.000 đồng. Nay bà yêu cầu bị cáo Lê Minh H phải có trách nhiệm bồi thường cho bà số tiền 1.500.000 đồng, bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thái Văn L.

Bà Huỳnh Thị C Người là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Minh H trình bày: bà hoàn toàn không biết việc H dùng xe đạp của bà để chở L đi trộm tài sản của bà Th. Bà đã thay bị cáo H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph 1.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo H phải bồi hoàn lại cho bà số tiền này. Ngoài ra, bà tự nguyện thay bị cáo H bồi thường cho: bà Lê Thị Th số tiền 1.500.000 đồng, ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 1.000.000 đồng.

Bà Trần Thị T Người là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là đại diện hợp pháp của bị cáo Thái Văn L trình bày: bà đã thay bị cáo L bồi thường cho bà Lê Thị Th số tiền 1.500.000 đồng tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi hoàn lại cho bà số tiền trên. Bà cam đoan sẽ giáo dục bị cáo Thái Văn L thật tốt, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo L được hưởng án treo.

Ông Nguyễn Văn Th là người bào chữa cho bị cáo Thái Văn L trình bày: thống nhất về hành vi phạm tội của bị cáo L cũng như tội danh và điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h Điều 51 Bộ luật hình sự “*Phạm tội nhưng thiệt hại không lớn*” và quan tâm đến nhân thân của bị cáo, cụ thể là từ nhỏ bị cáo không nhận được sự giáo dục của cha cho đến khi phạm tội do cha bị cáo đã chết để quyết định hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát và cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố, không khiêu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Lời sau cùng: bị cáo Hiếu và bị cáo Lộc rất ăn năn về hành vi đã gây ra, xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Linh không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và gửi bài bào chữa cho bị cáo, bị cáo H đồng ý việc xét xử vắng mặt người bào chữa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa của bị cáo Lê Minh H.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, trong khoảng thời gian từ ngày 29/9/2020 đến ngày 15/02/2021, các bị cáo Lê Minh H cùng với Thái Văn L và Phạm Văn VL thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Vào khoảng 00 giờ ngày 29/9/2020 tại ấp 4, xã NT, thành phố BT, bị cáo H cùng với bị cáo L lén lút chiếm đoạt của bà Lê Thị Th 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, số loại Dream, màu nâu, biển số 71B2-231.00, trị giá 10.500.000 đồng.

- Vụ thứ hai: Vào khoảng 01 giờ 30 phút ngày 15/02/2021, tại ấp 2, xã PN, thành phố BT, bị cáo H cùng bị cáo L lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Diễm Ph 01 cây mai vàng trị giá 4.000.000 đồng.

[3] Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã cố ý phối hợp, lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Th và bà Ph nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo H, bị cáo L, bị cáo VL tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo L không có tiền án, tiền sự; bị cáo H bà bị cáo L không có tiền án nhưng đều đang có tiền sự.

Bị cáo Lê Minh H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo

quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, được áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét xử và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Thái Văn L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*” “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và được áp dụng các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét xử và bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Văn VL được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi các bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo là “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Thái Văn L:

- Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm h Điều 51 Bộ luật hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, pháp luật không quy định giá trị thiệt hại cụ thể để xác định là “*không lớn*”, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo Thái Văn L, thiệt hại cụ thể là chiếc xe gắn máy có giá trị 10.500.000 đồng, tức gấp hơn 5 lần giá trị thiệt hại khởi điểm của Điều 173 Bộ luật hình sự quy định nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo Thái Văn L được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn*”.

- Đối với đề nghị cho bị Thái Văn L được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự: một trong những điều kiện để được hưởng án treo là “*Có nhân thân tốt*”, tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng án treo quy định rõ: “*Được coi là có nhân thân tốt nếu ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật ...*”. Đối chiếu với hành vi của bị cáo L, sau khi có được số tiền 1.000.000 đồng từ hành vi trộm cắp chiếc xe gắn máy thì L và H đã sử dụng một phần của số tiền này mua ma túy về cùng nhau sử dụng, tức bị cáo L đã vi phạm Luật phòng, chống ma túy nên không thỏa điều kiện “*có nhân thân tốt*” theo quy định trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ cho bị cáo L hưởng án treo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho bà Lê Thị Th 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B2-231.00, trả cho bà Huỳnh Thị C 01 xe đạp loại Martin là phù hợp nên ghi nhận.

- Đối với số tiền 39.000 đồng thu của bị cáo L: đây là tiền bị cáo L có được từ việc trộm cắp tài sản của bà Th nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo L.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Trần Thị T tự nguyện không yêu cầu bị cáo Thái Văn L bồi hoàn lại số tiền 1.500.000 đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị Th nên ghi nhận.

- Bà Huỳnh Thị C tự nguyện không yêu cầu bị cáo Lê Minh H bồi hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph nên ghi nhận.

- Bà Huỳnh Thị C tự nguyện thay bị cáo Lê Minh H bồi thường cho: bà Lê Thị Th số tiền 1.500.000 đồng, ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 đồng, bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 1.000.000 đồng nên ghi nhận.

- Buộc bị cáo Thái Văn L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn VL phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 2.000.000 đồng.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản và không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[11] - Đối với Bùi Trung Ngh khi mua xe và Châu Văn Đ khi mua cây mai không biết tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm.

- Đối với người tên L do không rõ họ, tên đầy đủ và địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[12] Về án phí: các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 23 và Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Minh H, bị cáo Thái Văn L, bị cáo Phạm Văn VL phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2021.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Thái Văn L 04 (bốn) tháng tù.
Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn VL 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt với bản án số 14/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo Phạm Văn VL 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Buộc bị cáo Phạm Văn VL chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 11/3/2021.

4. Về xử lý vật chứng, áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trao trả cho bà Lê Thị Th 01 (một) xe mô tô biển số 71B2-231.00, trả cho bà Huỳnh Thị C 01 (một) xe đạp loại Martin.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 39.000 (ba mươi chín ngàn) đồng để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Thái Văn L.

5. Về trách nhiệm dân sự, áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận bà Trần Thị T không yêu cầu bị cáo Thái Văn L bồi hoàn lại số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà Lê Thị Th.

- Ghi nhận bà Huỳnh Thị C không yêu cầu bị cáo Lê Minh H bồi hoàn lại số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng mà bà đã thay bị cáo bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph.

- Ghi nhận bà Huỳnh Thị C tự nguyện thay bị cáo Lê Minh H bồi thường cho: bà Lê Thị Th số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng, ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Thái Văn L phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Bùi Trung Ngh số tiền 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn VL phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị Diễm Ph số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 và 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lê Minh H, bị cáo Thái Văn L và bị cáo Phạm Văn VL mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (Ba trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã MTA, TP BT, Bến Tre (1b);
- UBND xã NT, TP BT, Bến Tre (1b);
- UBND xã SP, GT, Bến Tre (1b);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan (8b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương